

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TT  
TỈNH TH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 7- 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT TỈNH TH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Bùi Văn Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hà;

2. Bà Trần Thị Dần.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh TH.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh TH tham gia phiên toà:** Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị L, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn XT, xã Th, huyện TT, tỉnh TH.

Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn XT, xã Th, huyện TT, tỉnh TH.

Tại phiên toà có mặt chị L, anh Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 12/4/022 nguyên đơn là chị Hà Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và Lê Văn Đ kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 20/01/2011 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Th, huyện TT, tỉnh TH. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là mâu thuẫn giữa bố mẹ chồng và con dâu đồng thời do tính tình vợ, chồng không hợp, bất đồng nhiều quan điểm sống. Chị L đã nhiều lần bỏ chồng, con đi khỏi nhà. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị L và anh Đ có 01 con chung là cháu Lê Đăng Kh (Giới tính: nam), sinh ngày 24/6/2012. Sau khi ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con cùng chị số tiền 1.000.000 đ (Một triệu đồng) / tháng cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là anh Lê Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 20/01/2011 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Th, huyện TT, tỉnh TH. Sau ngày cưới tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 7/2013 sau khi sinh cháu Kh thì chị L đã bỏ nhà đi. Sau khi chị L bỏ đi anh Đ có động viên chị L quay về sinh sống được một thời gian. Chị L tiếp tục bỏ nhà đi từ năm 2017 đến năm 2019, sau đó có quay về chung sống cùng chồng, con. Năm 2021, anh Đ và chị L có cho cháu Kh ra Hà Nội sống cùng bố mẹ và học tập nhưng đến ngày 10/10/2021 chị L lại tiếp tục bỏ đi, không chăm lo đến gia đình. Anh Đ và chị L sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 đến nay. Hiện nay, chị L có làm đơn xin ly hôn anh Đ. Xét thấy tình cảm không còn nên anh Đ cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh Đ và chị L có 01 con chung là cháu Lê Đăng Kh (Giới tính: nam), sinh ngày 24/6/2012. Sau khi ly hôn, anh Đ đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ.

Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Hà Thị L được ly hôn anh Lê Văn Đ. Giao cháu Lê Đăng Kh (Giới tính: nam), sinh ngày 24/6/2012 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ. Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Hà Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Lê Văn Đ. Anh Đ cư trú tại huyện TT, tỉnh TH. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH, theo quy

định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Về hôn nhân: Chị Hà Thị L và anh Lê Văn Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/01/2011 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Th, huyện TT, tỉnh TH và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận. Từ năm 2013 đến nay chị L đã bỏ nhà đi nhiều lần. Tháng 10 năm 2021 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, chị L và anh Đ sống ly thân từ đó đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Việc này cả chị L và anh Đ đều thừa nhận. Nay, chị L, anh Đ đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Hà Thị L được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung. Khi ly hôn, cả chị L và anh Đ đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Chị L trình bày, chị làm nhà hàng tại Hà Nội, thời gian làm việc từ 08 giờ đến 22 giờ mỗi ngày, thu nhập mỗi tháng trên 10.000.000đồng, chị đã thuê nhà ở riêng nên chị có đủ khả năng nuôi cháu phát triển tốt về mọi mặt. Nếu được nuôi con chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L số tiền 1.000.000 đồng/ tháng đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi. Anh Đ không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung vì anh cũng có thu nhập mỗi tháng trên 10.000.000đồng, anh ở với bố mẹ, đã có nơi ở ổn định, vì vậy anh cũng đủ mọi điều kiện để nuôi cháu Kh tốt hơn chị L. HĐXX thấy, yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị L và anh Đ đều chính đáng. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh thực tế thì từ tháng 10 năm 2021 khi chị L và anh Đ sống ly thân, cháu Kh luôn sinh sống tại thôn XT, xã Th, do anh Đ và bố mẹ anh Đ trực tiếp chăm sóc. Việc này đã được UBND xã Th xác nhận. Mặt khác, từ lúc sinh cháu Kh, chị L thường xuyên bỏ nhà đi, chưa thực sự quan tâm đến con, hiện tại đang phải thuê nhà để ở. Bản thân cháu Kh có nguyện vọng được ở với bố. Do đó nên cháu giao Kh cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng sẽ phù hợp hơn cho sự phát triển của cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh Đ không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Đây là sự tự nguyện của anh Đ nên được chấp nhận.

[4]. Về tài sản: Chị L và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hà Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị L được ly hôn anh Lê Văn Đ.
2. Về con chung: Giao cháu Lê Đăng Kh (Giới tính: nam), sinh ngày 24/6/2012 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ.

Chị L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hà Thị L chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị L đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự TT, theo biên lai số: AA/2021/0007656 ngày 27/5/2022. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Hà Thị L và anh Lê Văn Đ. Chị L và anh Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện TT;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu HSPA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Tuấn**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hà**

**Trần Thị Dần**

**Bùi Văn Tuấn**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện TT;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Tuấn**